

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 21 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 21 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phở	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban (từ ngày 8 tháng 5 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (đến ngày 8 tháng 5 năm 2014)
Ông Phan Hữu Phu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành
	(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành
	(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành
	(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 28 tháng 2 năm 2014)
Ông Đinh Duy Tường	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 31 tháng 5 năm 2014)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Bùi Đình Thành	Giám đốc điều hành (đến tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, 22 -08- 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 22-08-2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban điều hành Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-124a



Dam Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **22-08-2014**

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a –DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		801.523.988.423	548.502.060.125
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.556.907.613	15.212.625.051
Tiền	111		10.656.907.613	11.197.625.051
Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	4.015.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		300.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	250.406.464.508	203.961.221.392
Phải thu khách hàng	131		224.169.791.578	186.883.006.589
Trả trước cho người bán	132		22.019.168.253	15.948.308.511
Các khoản phải thu khác	135	5	5.708.966.630	2.585.058.041
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.491.461.953)	(1.455.151.749)
Hàng tồn kho	140	6	484.740.998.747	304.775.147.946
Hàng tồn kho	141		484.747.250.337	304.781.399.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.251.590)	(6.251.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		54.519.617.555	24.553.065.736
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.250.944.795	4.305.246.628
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.662.556.389	18.548.032.241
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		219.562	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.605.896.809	1.699.786.867
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		439.311.605.715	385.081.031.739
Tài sản cố định	220		398.993.868.330	350.692.931.256
Tài sản cố định hữu hình	221	7	356.669.600.639	340.186.844.343
Nguyên giá	222		700.977.972.841	649.425.795.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(344.308.372.202)	(309.238.951.332)
Tài sản cố định vô hình	227	8	990.198.532	1.014.728.775
Nguyên giá	228		3.725.345.124	3.436.315.643
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.735.146.592)	(2.421.586.868)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	41.334.069.159	9.491.358.138
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	27.801.461.140	25.409.425.141
Đầu tư vào công ty con	251		15.832.400.000	12.618.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.700.000.000	7.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		10.705.702.000	10.705.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6.436.640.860)	(5.614.676.859)
Tài sản dài hạn khác	260		12.516.276.245	8.978.675.342
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	12.516.276.245	8.978.675.342
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.240.835.594.138	933.583.091.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.018.690.348.074	695.017.129.870
Nợ ngắn hạn	310		814.245.402.598	543.931.501.330
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	523.220.354.951	360.425.053.971
Phải trả người bán	312		199.837.483.917	101.001.845.556
Người mua trả tiền trước	313		7.901.460.257	7.082.872.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.531.824.907	2.958.630.274
Phải trả người lao động	315		55.043.390.304	51.415.240.752
Chi phí phải trả	316	14	6.158.552.209	12.520.531.781
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	11.705.212.365	5.932.344.936
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	7.847.123.688	2.594.981.515
Vay và nợ dài hạn	330		204.444.945.476	151.085.628.540
Vay và nợ dài hạn	334	17	204.444.945.476	151.085.628.540
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		222.145.246.064	238.565.961.994
Vốn chủ sở hữu	410	18	222.145.246.064	238.565.961.994
Vốn cổ phần	411	19	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	38.679.023.318	31.370.547.429
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	12.039.759.447	9.663.374.821
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.426.463.299	47.532.039.744
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.240.835.594.138	933.583.091.864

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận gia công (VND)	111.360.574.800	48.893.171.952
Ngoại tệ		
• USD	334.943	343.236
• EUR	351	358

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

22 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	22	1.058.703.455.787	1.161.520.929.236
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	17.468.182	375.902.549
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	1.058.685.987.605	1.161.145.026.687
Giá vốn hàng bán	11		966.039.178.024	1.051.200.147.973
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		92.646.809.581	109.944.878.714
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.840.029.740	5.025.541.527
Chi phí tài chính	22	24	18.839.967.733	19.620.015.448
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.705.244.030	10.621.213.500
Chi phí bán hàng	24		30.402.458.102	34.430.996.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.421.101.265	35.547.916.868
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		20.823.312.221	25.371.490.958
Thu nhập khác	31	25	2.939.337.291	1.507.228.926
Chi phí khác	32		768.310.650	772.757.021
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.171.026.641	734.471.905
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.994.338.862	26.105.962.863
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.572.222.794	1.368.295.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.422.116.068	24.737.667.340

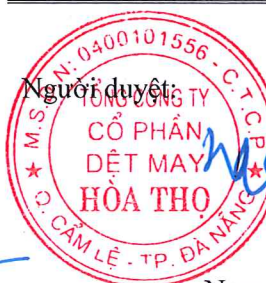
Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

22 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.994.338.862	26.105.962.863
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	39.308.531.374	36.045.481.136
Các khoản dự phòng	03	858.274.205	1.459.595.517
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.184.723.335	3.313.702.594
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.735.281.526)	(1.726.695.884)
Chi phí lãi vay	06	9.705.244.030	10.621.213.500
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	76.315.830.280	75.819.259.726
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(75.556.632.039)	(68.150.649.673)
Biến động hàng tồn kho	10	(179.965.850.801)	3.615.076.082
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	97.834.321.104	(24.802.729.476)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.529.387.453)	568.092.789
		(83.901.718.909)	(12.950.950.552)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.051.124.300)	(11.478.074.957)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(2.042.949.715)	(2.084.526.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.500.000	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.606.189.825)	(2.523.763.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(98.586.482.749)	(29.027.315.606)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(88.589.558.096)	(31.070.244.426)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	214.545.454	492.146.299
Tiền chi đầu tư vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng	23	(300.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(3.214.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.546.914.103	1.234.549.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.342.098.539)	(29.343.548.542)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	904.885.714.984	877.596.359.980
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(693.730.332.096)	(792.434.217.904)
Tiền trả cổ tức	36	(25.882.519.038)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	185.272.863.850	55.162.142.076
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.655.717.438)	(3.208.722.072)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	15.212.625.051	26.117.698.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	(16.361.043)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	11.556.907.613	22.892.615.003

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
Phó phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

22 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có 5.948 nhân viên (31/12/2013: 5.463 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(o) Thu nhập từ hoạt động tài chính

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết, cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	23.469.296	4.022.000
Tiền gửi ngân hàng	10.633.438.317	11.193.603.051
Các khoản tương đương tiền	900.000.000	4.015.000.000
	11.556.907.613	15.212.625.051

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan - thương mại	7.109.770.454	7.347.882.200

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 167.750 triệu VND (31/12/2013: 115.360 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 12).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	1.752.037.885	1.063.989.465
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	1.330.000.000	-
Phải thu khác	2.626.928.745	1.521.068.576
	5.708.966.630	2.585.058.041

6. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	58.453.561.195	29.660.759.414
Nguyên vật liệu	169.474.831.787	86.812.981.136
Công cụ và dụng cụ	300.164.497	161.072.574
Sản phẩm dở dang	171.727.105.605	131.367.622.672
Thành phẩm	78.430.130.615	52.052.018.199
Hàng hóa	7.244.941	435.374.529
Hàng gửi đi bán	6.354.211.697	4.291.571.012
	484.747.250.337	304.781.399.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.251.590)	(6.251.590)
	484.740.998.747	304.775.147.946

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 327.750 triệu VND (31/12/2013: 304.775 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	127.525.347.395	462.219.984.817	25.119.810.112	5.140.103.312	29.420.550.039	649.425.795.675
Tăng trong kỳ	2.710.799.103	14.971.964.167	-	407.343.182	1.342.646.101	19.432.752.553
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.616.073.763	30.427.566.873	-	-	2.027.512.788	36.071.153.424
Phân loại lại	-	(53.000.000)	-	-	53.000.000	-
Thanh lý	(134.828.743)	(3.816.900.068)	-	-	-	(3.951.728.811)

Số dư tại ngày 30/6/2014

133.717.391.518	503.749.615.789	25.119.810.112	5.547.446.494	32.843.708.928	700.977.972.841
-----------------	-----------------	----------------	---------------	----------------	-----------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 1/1/2014	45.234.389.432	233.568.990.739	12.160.972.668	3.682.084.699	14.592.513.794	309.238.951.332
Khấu hao trong kỳ	3.872.349.018	30.910.228.019	1.388.518.557	267.057.718	2.556.818.338	38.994.971.650
Phân loại lại	-	(5.299.998)	-	-	5.299.998	-
Thanh lý	(108.650.712)	(3.816.900.068)	-	-	-	(3.925.550.780)

Số dư tại ngày 30/6/2014

48.998.087.738	260.657.018.692	13.549.491.225	3.949.142.417	17.154.632.130	344.308.372.202
----------------	-----------------	----------------	---------------	----------------	-----------------

Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 1/1/2014	82.290.957.963	228.650.994.078	12.958.837.444	1.458.018.613	14.828.036.245	340.186.844.343
Số dư tại ngày 30/6/2014	84.719.303.780	243.092.597.097	11.570.318.887	1.598.304.077	15.689.076.798	356.669.600.639

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá là 128.942 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 129.637 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 356.670 triệu VND (31/12/2013: 340.187 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 12 và 17).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

**Phần mềm
máy vi tính
VND**

Nguyên giá

Số dư tại ngày 1/1/2014	3.436.315.643
Tăng trong kỳ	289.029.481

Số dư tại ngày 30/6/2014	3.725.345.124
--------------------------	---------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 1/1/2014	2.421.586.868
Khấu hao trong kỳ	313.559.724

Số dư tại ngày 30/6/2014	2.735.146.592
--------------------------	---------------

Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 1/1/2014	1.014.728.775
Số dư tại ngày 30/6/2014	990.198.532

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.813 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (31/12/2013: 1.365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.491.358.138	10.843.140.931
Tăng trong kỳ/năm	68.867.776.062	18.191.112.826
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.071.153.424)	(18.436.077.113)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(953.911.617)	(1.106.818.506)
Số dư cuối kỳ/năm	41.334.069.159	9.491.358.138

Tại ngày báo cáo, các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy		
May 1 – Nhà xưởng	21.544.574.639	-
Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy		
May 1 – Máy móc thiết bị	15.835.239.477	-
Các công trình xây dựng dở dang và máy móc thiết bị đang lắp đặt khác	3.954.255.043	9.491.358.138
	41.334.069.159	9.491.358.138

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 37.380 triệu VND (31/12/2013: 6.395 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 17).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014				31/12/2013			
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	321.400	32,14%	54,00%	3.214.000.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	406.350	54,18%	54,18%	4.063.500.000	406.350	54,18%	54,18%	4.063.500.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000
				15.832.400.000				12.618.400.000
▪ Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000
• Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000
				7.700.000.000				7.700.000.000
▪ Công ty khác								
• Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	9,37%	855.702.000	85.570	9,37%	9,37%	855.702.000
• Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000
• Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	160.000	16,00%	16,00%	1.600.000.000	160.000	16,00%	16,00%	1.600.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	135.000	7,86%	7,86%	1.350.000.000	135.000	7,86%	7,86%	1.350.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000
				10.705.702.000				10.705.702.000
				34.238.102.000				31.024.102.000
				(6.436.640.860)				(5.614.676.859)
				27.801.461.140				25.409.425.141
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn								

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.614.676.859	2.497.411.330
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	821.964.001	3.156.429.520
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(39.163.991)
Số dư cuối kỳ/năm	6.436.640.860	5.614.676.859

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	7.483.804.563	1.220.909.532	273.961.247	8.978.675.342
Tăng trong kỳ	8.878.110.340	-	30.258.310	8.908.368.650
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	953.911.617	-	-	953.911.617
Phân bổ trong kỳ	(5.793.945.816)	(527.333.861)	(3.399.687)	(6.324.679.364)
Số dư tại ngày 30/6/2014	11.521.880.704	693.575.671	300.819.870	12.516.276.245

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	505.515.400.693	324.751.402.549
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	17.704.954.258	35.673.651.422
	523.220.354.951	360.425.053.971

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng ANZ - (i)	USD	2,2% - 2,5%	91.445.577.267	47.112.492.285
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng - (i)	USD	2% - 2,4%	81.594.117.462	56.221.436.179
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng - (i)	USD	2,2% - 2,5%	80.848.729.287	43.047.260.341
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - (ii)	USD	2,2% - 2,8%	79.751.293.860	43.499.615.915
Ngân hàng Indovina - (i)	USD	2,25% - 2,8%	50.447.666.778	15.628.606.154
Ngân hàng TMCP Công thương - (i)	USD	2,2% - 2,8%	49.561.415.952	33.985.281.510
Ngân hàng HSBC - (i)	USD	2,2% - 2,8%	38.628.621.603	51.171.798.361
Ngân hàng TMCP Quân đội- (i)	USD	2,2% - 2,8%	23.798.809.074	17.984.724.422
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương – (i)	USD	2,25% - 2,8%	9.356.998.410	15.996.411.382
Vay từ ban liên lạc hưu trí - (ii)	VND	8%	82.171.000	103.776.000
			505.515.400.693	324.751.402.549

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 5), hàng tồn kho (Thuyết minh 6) và tài sản cố định (Thuyết minh 7) của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.166.967.697	1.062.647.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.157.350.656	1.628.077.577
Thuế thu nhập cá nhân	207.506.554	262.693.047
Các loại thuế khác	-	5.212.402
	2.531.824.907	2.958.630.274

14. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí hoạt động	3.851.632.799	9.677.932.814
Chi phí lãi vay	370.723.832	716.604.102
Chi phí phải trả khác	1.936.195.578	2.125.994.865
	6.158.552.209	12.520.531.781

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.537.702.948	3.177.488.540
Bảo hiểm xã hội	164.638.847	34.406.170
Bảo hiểm y tế	603.855	6.269.406
Cổ tức phải trả	4.117.480.962	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.884.785.753	2.714.180.820
	11.705.212.365	5.932.344.936

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	Năm kết thúc ngày
	kết thúc ngày	31/12/2013
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.594.981.515	3.059.950.469
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ/năm	7.842.831.998	2.770.573.408
Tăng khác	15.500.000	238.398.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(2.606.189.825)	(3.473.940.362)
Số dư cuối kỳ/năm	7.847.123.688	2.594.981.515

17. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	215.283.266.734	179.130.146.962
Nợ dài hạn khác (ii)	6.866.633.000	7.629.133.000
	222.149.899.734	186.759.279.962
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(17.704.954.258)	(35.673.651.422)
Hoàn trả sau 12 tháng	204.444.945.476	151.085.628.540

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	VND	7,8% - 8,4%	2019	50.783.635.988	55.547.635.988
Khoản vay 2	USD	4,5%	2021	43.050.273.480	-
Khoản vay 3	USD	6%	2018	33.948.983.700	33.585.586.128
Khoản vay 4	USD	5,5% - 6,25%	2018	25.717.073.442	28.622.139.744
Khoản vay 5	USD	5,8%	2020	17.927.421.900	19.244.404.368
Khoản vay 6	USD	3%	2017	10.437.000.000	11.800.320.000
Khoản vay 7	USD	6%	2018	7.600.819.800	7.519.458.912
Khoản vay 8	VND	9,2%	2019	7.346.000.000	-
Khoản vay 9	VND	10,6%	2016	5.849.997.000	7.149.999.000
Khoản vay 10	VND	0%	2014	2.388.386.000	5.258.386.000
Khoản vay 11	USD	5,2%	2016	3.978.554.154	4.147.745.892
Khoản vay 12	USD	5,2%	2016	2.863.399.470	3.399.299.218
Khoản vay 13	USD	5,8%	2015	1.229.010.000	1.737.386.400
Khoản vay 14	VND	10%	2021	1.013.875.000	-
Khoản vay 15	USD	5,8%	2016	600.873.000	731.619.840
Khoản vay 16	USD	5%	2017	405.552.000	-
Khoản vay 17	USD	6,4%	2014	142.411.800	281.732.640
Khoản vay 18	USD	6%	2014	-	79.504.656
Khoản vay 19	USD	6%	2014	-	24.928.176
				215.283.266.734	179.130.146.962

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định (Thuyết minh 7) và xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 9) của Tổng Công ty.

(ii) Nợ dài hạn khác thể hiện khoản nợ dài hạn đối với Ban Quản lý cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Trị. Khoản nợ dài hạn này không phải chịu lãi, không được đảm bảo và được hoàn trả định kỳ mỗi năm hai lần, mỗi lần 762,5 triệu VND, cho đến hết năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	150.000.000.000	24.304.132.742	5.237.042.810	44.342.614.207	223.883.789.759
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.737.667.340	24.737.667.340
Phân bổ vào các quỹ	-	7.066.414.687	4.426.332.011	(11.492.746.698)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.770.573.408)	(2.770.573.408)
Cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	150.000.000.000	31.370.547.429	9.663.374.821	24.816.961.441	215.850.883.691
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	150.000.000.000	31.370.547.429	9.663.374.821	47.532.039.744	238.565.961.994
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.422.116.068	21.422.116.068
Phân bổ vào các quỹ	-	7.308.475.889	2.376.384.626	(9.684.860.515)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.842.831.998)	(7.842.831.998)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	150.000.000.000	38.679.023.318	12.039.759.447	21.426.463.299	222.145.246.064

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập đến khi quỹ dự phòng bằng 25% vốn cổ phần của Tổng Công ty.

21. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 8 tháng 5 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 30.000 triệu VND cho các cổ đông (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tổng doanh thu	1.058.703.455.787	1.161.520.929.236
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(375.902.549)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.468.182)	-
Doanh thu thuần	1.058.685.987.605	1.161.145.026.687

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	170.314.103	402.249.585
Cổ tức được chia	1.376.600.000	832.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.253.396.509	3.764.828.043
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.719.128	26.163.899
	4.840.029.740	5.025.541.527

24. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.705.244.030	10.621.213.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	821.964.001	684.831.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.128.036.367	5.000.267.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.184.723.335	3.313.702.594
	18.839.967.733	19.620.015.448

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản	214.545.454	492.146.299
Xóa nợ do nhà cung cấp vi phạm hợp đồng	897.249.540	-
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	742.175.000	-
Các thu nhập khác	1.085.367.297	1.015.082.627
	2.939.337.291	1.507.228.926

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.572.222.794	1.368.295.523

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	22.994.338.862	26.105.962.863
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.299.433.886	2.610.596.286
Ưu đãi thuế	(1.003.163.659)	(1.420.450.342)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	310.395.892	55.168.513
Chi phí không được khấu trừ thuế	103.216.675	57.955.234
Thu nhập không bị tính thuế	(137.660.000)	(83.330.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	148.355.832
	1.572.222.794	1.368.295.523

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% từ năm 2014 (năm 2013: 25%) và 20% từ năm 2016.

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	11.533.438.317	15.208.603.051
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	300.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	228.387.296.255	188.012.912.881
		240.220.734.572	203.221.515.932

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này. Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 35 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	45.610.857.127	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	16.477.860.664	198.620.582
Quá hạn trên 180 ngày	7.087.650.454	8.831.016.652
	69.176.368.245	9.029.637.234

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	Năm kết thúc ngày
	kết thúc ngày	31/12/2013
	30/6/2014	VND
	VND	
Số dư đầu kỳ/năm	1.455.151.749	305.075.549
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	36.310.204	1.150.076.200
	1.491.461.953	1.455.151.749

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2014	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	213.998	213.998	213.998	-	-	-
Vay ngắn hạn	505.515	509.773	509.773	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	222.150	253.023	51.432	67.251	111.621	22.719
	941.663	976.794	775.203	67.251	111.621	22.719

31/12/2013	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	116.237	116.237	116.237	-	-	-
Vay ngắn hạn	324.751	327.961	327.961	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	186.759	220.463	44.057	54.842	109.403	12.161
	627.747	664.661	488.255	54.842	109.403	12.161

Tổng Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	334.943	351	343.236	358
Phải thu khách hàng	7.746.952	-	7.951.294	-
Tài sản ngắn hạn khác	23.050	-	22.539	-
Phải trả người bán	(6.300.836)	-	(2.665.838)	-
Vay ngắn hạn	(23.729.260)	-	(15.406.588)	-
Vay dài hạn	(6.943.726)	-	(5.275.917)	-
	(28.868.877)	351	(15.031.274)	358

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
USD/VND	21.300	21.072
EUR/VND	28.977	29.004

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(17.524.851.516)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	483.119
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(9.027.061.663)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	493.213

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 202.458 triệu VND (31/12/2013: 162.071 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-
Vay ngắn hạn	(82.171.000)	(103.776.000)
Vay dài hạn	(12.825.386.000)	(17.058.706.000)
	(12.607.557.000)	(17.162.482.000)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(505.433.229.693)	(324.647.626.549)
Vay dài hạn	(202.457.880.734)	(162.071.440.962)
	(707.891.110.427)	(486.719.067.511)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.363 triệu VND lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty (2013: 4.624 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	11.557	11.557	15.213	15.213
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn	300	(*)	-	-
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.387	(*)	188.013	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(213.998)	(*)	(116.237)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(505.515)	(*)	(324.751)	(*)
▪ Vay và nợ dài hạn	(222.150)	(*)	(186.759)	(*)
	(701.419)	(*)	(424.521)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và nhận được	21.484.964.000	21.484.964.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.632.053.452	1.375.986.818
Mua hàng hóa và dịch vụ	424.000.939	403.082.346
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.853.183.401	45.521.038.547
Góp vốn	3.214.000.000	-
Cổ tức được chia	642.800.000	321.400.000
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Hội An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.997.451.476	12.569.308.969
Cổ tức được chia	541.800.000	270.900.000
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.479.026.720	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.395.058.255	3.760.301.971
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	1.958.553.112	2.510.610.232
Thưởng	28.915.052	31.378.205

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

29. Cam kết chỉ tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	45.856.200.000	102.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	28.500.000.000
	45.856.200.000	131.100.000.000

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	675.200.247.447	698.332.084.973
Chi phí nhân công	191.464.648.553	188.584.651.076
Chi phí khấu hao	39.308.531.374	36.045.481.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	184.138.324.412	146.498.374.698

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trị
 Tổng Giám đốc

22 -08- 2014